

nhà nước cấp phát kinh phí thực hiện Chương trình Quốc gia về thể thao phải lập và tổng hợp báo cáo quyết toán chung của Bộ, ngành gửi Bộ Tài chính 01 bản và cho Ủy ban Thể dục Thể thao (Ban chủ nhiệm Chương trình Quốc gia về thể thao) 01 bản để tổng hợp theo Chương trình báo cáo Bộ Tài chính.

- Ở địa phương: Sở Thể dục Thể thao tổng hợp và lập báo cáo quyết toán kinh phí ủy quyền về thực hiện mục tiêu Chương trình Quốc gia về thể thao, gửi Sở Tài chính - Vật giá kiểm tra, xét duyệt, đồng gửi về Ủy ban Thể dục Thể thao 01 bản.

Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm duyệt quyết toán kinh phí ngân sách Trung ương ủy quyền về thực hiện mục tiêu Chương trình Quốc gia về thể thao cho Sở Thể dục Thể thao và gửi báo cáo quyết toán đã thẩm định về Bộ Tài chính và Ủy ban Thể dục Thể thao, đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Bộ Tài chính chủ trì cùng Ủy ban Thể dục Thể thao thẩm tra quyết toán kinh phí ủy quyền về thực hiện mục tiêu Chương trình Quốc gia về thể thao của Sở Tài chính - Vật giá và Sở Thể dục Thể thao. Trên cơ sở biên bản thẩm định của liên Bộ, Sở Tài chính - Vật giá thông báo duyệt quyết toán cho Sở Thể dục Thể thao; Bộ Tài chính tổng hợp quyết toán kinh phí ủy quyền chương trình Quốc gia về thể thao để tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

C. CÔNG TÁC KIỂM TRA

Hàng năm, Ban chủ nhiệm Chương trình Quốc gia về thể thao phối hợp với cơ quan tài chính tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng kinh phí ở Trung ương cũng như địa phương đúng mục đích, đúng đối tượng quy định của Nhà nước. Trường hợp phát hiện việc sử dụng kinh phí sai mục đích và các chế độ quy định, đoàn kiểm tra báo cáo các cấp có thẩm quyền tạm ngừng hoặc đình chỉ cấp phát kinh phí.

Phần III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 1999, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

KT. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban
Thể dục Thể thao
Phó Chủ nhiệm

LƯƠNG QUỐC DŨNG

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 72/1999/QĐ-BTC ngày 09/7/1999 về việc ban hành Quy chế lập, sử dụng và quản lý Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 07/11/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế quản

lý vay và trả nợ nước ngoài và phê duyệt dự thảo Quy chế Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 621/CP-QHQT ngày 15/6/1999;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế lập, sử dụng và quản lý Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của Bộ Tài chính trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Đầu tư phát triển và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

QUY CHẾ lập, sử dụng và quản lý Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài

(ban hành kèm theo Quyết định số 72/1999/QĐ-BTC ngày 09/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Lập Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài (dưới đây gọi tắt là Quỹ tích lũy) để tập trung các khoản thu hồi vốn cho vay lại trong nước từ nguồn vay/viện trợ nước ngoài của Chính phủ và các khoản thu phí bảo lãnh Chính phủ để bảo đảm

việc trả nợ nước ngoài các khoản vay của Chính phủ, đồng thời tạo nguồn xử lý các rủi ro có thể xảy ra trong trường hợp Chính phủ bảo lãnh cho các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng vay nước ngoài.

Điều 2. Quỹ tích lũy được mở tài khoản ngoại tệ và tiền Việt Nam tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho lãnh đạo Vụ Tài chính đối ngoại đứng tên chủ tài khoản Quỹ tích lũy.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn hình thành Quỹ tích lũy:

1. Các khoản thu hồi vốn cho vay lại bao gồm:

- Nợ gốc, lãi cho vay lại từ nguồn vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ (sau khi trừ phí dịch vụ cho vay lại) theo các kỳ hạn được quy định trong các Hợp đồng hoặc Hiệp định phụ cho vay lại.

- Phí vay phải trả nước ngoài (phí cam kết, phí quản lý...) trong trường hợp ngân sách nhà nước trả cho nước ngoài theo Hiệp định vay.

2. Các khoản thu phí bảo lãnh và các khoản thu hồi nợ theo Quy chế bảo lãnh của Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng.

3. Lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ tích lũy.

4. Các nguồn thu khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Thu Quỹ tích lũy được thực hiện như sau:

Căn cứ vào văn bản cam kết về bảo lãnh, cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ yêu cầu người được bảo lãnh nộp thẳng phí bảo lãnh vào các tài khoản Quỹ tích lũy mở tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Căn cứ vào Hiệp định vay phụ, hợp đồng cho vay lại, người vay lại nộp các khoản thu hồi vốn cho

vay lại vào các tài khoản của cơ quan cho vay lại. Căn cứ vào kỳ hạn trả ngân sách nhà nước theo hợp đồng ủy nhiệm đã ký với Bộ Tài chính, cơ quan cho vay lại làm thủ tục chuyển trả ngân sách nhà nước vào các tài khoản của Quỹ tích lũy mở tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, đồng thời tiến hành thủ tục để giảm nguồn nhận vốn cho vay lại với ngân sách nhà nước.

Các cơ quan cho vay lại, cơ quan cấp bảo lãnh tập hợp các chứng từ nộp tiền vào Quỹ tích lũy có xác nhận của ngân hàng nơi nộp tiền để hạch toán việc thu nộp cho ngân sách nhà nước. Bản sao các chứng từ nộp tiền nói trên được các cơ quan cho vay lại, hoặc cơ quan cấp bảo lãnh gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) để theo dõi và hạch toán việc thu nộp.

Các khoản thu khác (nếu có) nộp vào Quỹ tích lũy theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 5. Chi Quỹ tích lũy thực hiện như sau:

Vụ Tài chính đối ngoại thực hiện việc chi trả nợ nước ngoài của Chính phủ (gồm các khoản vay về cấp phát và vay về cho vay lại) theo các quy định hiện hành, đồng thời có trách nhiệm tách riêng phần trả nợ cho các khoản vay về cho vay lại.

Chậm nhất đến ngày 5 tháng sau, Vụ Tài chính đối ngoại tổng hợp các khoản trả nợ phát sinh trong tháng trước cho các khoản vay về cho vay lại và trên cơ sở đó lập chứng từ ghi chi Quỹ tích lũy để hoàn trả cho ngân sách nhà nước theo tỷ giá hạch toán ngân sách giữa Đồng Việt Nam và ngoại tệ vào ngày hoàn trả ngân sách nhà nước.

Trường hợp trả thay cho các dự án vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, việc chi Quỹ tích lũy cũng được thực hiện như trên.

Điều 6. Lập kế hoạch thu, chi Quỹ tích lũy:

Hàng năm, theo tiến độ lập dự toán ngân sách nhà nước, các cơ quan cho vay lại có trách nhiệm căn cứ vào các Thỏa thuận cho vay lại đã ký với các chủ dự án để lập kế hoạch thu hồi cho vay lại vốn vay nợ và vốn viện trợ nước ngoài của Chính

phủ gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) để tổng hợp kế hoạch thu Quỹ tích lũy.

Vụ Tài chính đối ngoại căn cứ vào các điều ước quốc tế và các cam kết của Chính phủ hoặc của Nhà nước xác định kế hoạch chi trả nợ nước ngoài hàng năm từ ngân sách trung ương, trong đó tách riêng nghĩa vụ chi trả nợ cho các khoản vay về cho vay lại để tổng hợp kế hoạch chi Quỹ tích lũy.

Kế hoạch chi Quỹ tích lũy hàng năm là căn cứ để đưa vào dự toán thu ngân sách nhà nước từ nguồn Quỹ tích lũy. Chênh lệch giữa số thu và chi Quỹ tích lũy sẽ được sử dụng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 7. Mở, quản lý các tài khoản Quỹ tích lũy.

Vụ Tài chính đối ngoại làm thủ tục mở tài khoản tiền gửi cho Quỹ tích lũy tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam bằng VND và USD (trường hợp có các loại ngoại tệ khác phát sinh Ngân hàng Ngoại thương sẽ tự động mở thêm tài khoản) để theo dõi các nguồn thu sau:

- Thu hồi nợ cho vay lại (bao gồm gốc, lãi, phí ngoài nước),
- Thu phí bảo lãnh Chính phủ,
- Thu khác.

Lãi phát sinh trên các tài khoản tiền gửi của Quỹ tích lũy được gốc hóa và hạch toán vào tài khoản "thu khác".

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam thực hiện việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trên các tài khoản liên quan đến quá trình thu, chi Quỹ tích lũy, định kỳ hàng tháng gửi báo cáo tổng hợp cho Bộ Tài chính biết tổng số thu, chi trong tháng, lãi phát sinh trên tài khoản và số dư chi tiết của các tài khoản tiền gửi kèm theo.

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam thông báo cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) chi tiết về các tài khoản được mở để hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan chuyển tiền vào các tài khoản thích hợp.

Điều 8. Phần chênh lệch giữa thu và chi Quỹ tích lũy hàng năm có thể được dùng cho các mục đích sau theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

- Cho ngân sách nhà nước vay tạm thời để sử dụng cho các mục đích chi đột xuất và được hưởng lãi suất theo mức tối thiểu để có thể bảo toàn được nguồn vốn trả nợ.

- Cho Quỹ hỗ trợ phát triển vay có kỳ hạn.
- Mua các trái phiếu ngoại tệ của các ngân hàng thương mại.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ TÍCH LŨY

Điều 9. Vụ Tài chính đối ngoại có trách nhiệm:

- Thông báo cho các đơn vị có liên quan số hiệu tài khoản của Quỹ tích lũy mở tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

- Tổng hợp và lập kế hoạch thu chi Quỹ tích lũy hàng năm.

- Thực hiện chi Quỹ tích lũy theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

- Xác định số tiền tạm thời nhàn rỗi của Quỹ tích lũy có thể sử dụng được cho từng thời kỳ, phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan lập phương án sử dụng và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

- Thực hiện công tác kế toán Quỹ tích lũy, thường xuyên đối chiếu số thu nộp Quỹ tích lũy với các cơ quan cho vay lại và cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ, tổ chức theo dõi thu hồi các khoản tiền của Quỹ tích lũy đã sử dụng để cho vay hoặc mua trái phiếu ngoại tệ.

- Hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị, tổ chức được Chính phủ bảo lãnh vay vốn nước ngoài nộp phí bảo lãnh vào Quỹ tích lũy.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính số tồn quỹ, hàng năm lập báo cáo quyết toán việc sử dụng Quỹ tích lũy.

Điều 10. Vụ Ngân sách nhà nước có trách nhiệm:

- Phối hợp với Vụ Tài chính đối ngoại đề xuất các phương án sử dụng tiền tạm thời nhàn rỗi của Quỹ tích lũy từng thời kỳ trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

- Thực hiện hạch toán thu ngân sách nhà nước các khoản hoàn trả ngân sách từ Quỹ tích lũy căn cứ theo lệnh chi Quỹ tích lũy do Vụ Tài chính đối ngoại phát hành. Thường xuyên đối chiếu số chi từ ngân sách nhà nước để trả nợ cho các dự án vay lại hoặc được Chính phủ bảo lãnh với số thu do Quỹ tích lũy hoàn trả.

Điều 11. Các cơ quan cho vay lại chịu trách nhiệm:

- Định kỳ hàng quý, năm thông báo cho Vụ Tài chính đối ngoại kế hoạch thu hồi nợ từ các dự án mà đơn vị mình được ủy nhiệm cho vay lại.

- Tổ chức việc thống kê theo dõi và lập báo cáo định kỳ hàng quý các khoản đã thu hồi vốn cho vay lại và đã nộp vào Quỹ tích lũy theo từng dự án cho vay lại gửi cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại).

- Hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị, tổ chức sử dụng vốn vay lại Chính phủ nộp các khoản thu hồi vốn cho vay lại đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại các Hiệp định phụ, hợp đồng cho vay lại.

- Đối với các ngân hàng thương mại được Bộ Tài chính ủy quyền thu nợ từ chủ dự án và trả nợ trực tiếp cho nước ngoài, sau mỗi kỳ trả nợ cần thông báo ngay cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại) để làm thủ tục ghi chi Quỹ tích lũy đồng thời ghi thu chi ngân sách nhà nước.

Điều 12. Các cơ quan bảo lãnh Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn và đôn đốc các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được Chính phủ bảo lãnh vay vốn nước ngoài nộp đầy đủ và đúng hạn phí bảo lãnh cũng như các khoản thu hồi nợ khác (nếu có) vào Quỹ tích lũy.

*Chương IV***ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Các Vụ, Tổng cục và các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm chấp hành và hướng dẫn các đơn vị, tổ chức vay lại hoặc được Chính phủ bảo lãnh thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức cần phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm bảo đảm sử dụng và quản lý Quỹ tích lũy có hiệu quả, đúng mục đích ./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ số 05/1999/TT-TCHQ ngày 26/7/1999 hướng dẫn thi hành Nghị định số 16/CP ngày 20/3/1996 và Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21/7/1998 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Nghị định số 16/CP ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Điều 7 Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Khi áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan, phải căn cứ

vào Nghị định số 16/CP ngày 20/3/1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan (những Điều còn hiệu lực thi hành) và Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21/7/1998 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/CP nêu trên (sau đây gọi chung là Nghị định số 16/CP sửa đổi, bổ sung).

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước về hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan.

3. Cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 16/CP sửa đổi, bổ sung được hiểu như sau:

a) Tổ chức gồm: cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Cá nhân gồm: người Việt Nam, người nước ngoài, người không quốc tịch, có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài có hành vi vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước về hải quan, đều phải chịu trách nhiệm hành chính về hải quan theo quy định tại Nghị định số 16/CP sửa đổi, bổ sung và các Nghị định khác của Chính phủ có quy định thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

4. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan bao gồm: người vận chuyển, người gửi hàng, người nhận hàng hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người kinh doanh kho ngoại quan, khi thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hải quan; người mua bán, chứa chấp, vận chuyển hàng hóa, vật phẩm có nguồn gốc nhập khẩu trái phép; người mua bán không đúng quy định hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi